

NHÃ NHẠC CUNG ĐÌNH VIỆT NAM KHÁI LƯỢC VỀ LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

HỒ TÂM TRUNG*



Múa Lục cúng Hoa đăng, Huế - Ảnh: T.T.X

Nhã nhạc cung đình Việt Nam-Nhã nhạc là loại hình âm nhạc chính thống được sử dụng trong các cuộc tế, lễ của các triều đình quân chủ ở Việt Nam. Trong các cuộc triều hội, cúng tế, âm nhạc luôn theo suốt quy trình của buổi lễ, từ lúc mở đầu cho đến hồi kết thúc. Nó tham gia vào từng tiết lễ, là một thành tố không thể thiếu của cuộc lễ, đồng thời, là phương tiện giúp con người giao tiếp với thế giới thần linh. Loại hình âm nhạc này được các triều đại quân chủ Việt Nam hết sức coi trọng, được phát triển thành một thứ quốc nhạc và là một trong những biểu tượng cho sức mạnh của

vương quyền và sự vững bền của triều đại.

Như vậy, Nhã nhạc Việt Nam bao gồm chủ yếu là các bài nhạc lễ, một số nhạc chương và hai điệu múa văn, múa võ.

Vì tư liệu về Nhã nhạc của các triều đại trước Nguyễn còn lại quá ít, cho nên, chúng tôi chỉ đề cập chủ yếu đến Nhã nhạc triều Nguyễn.

Ngoài ý nghĩa chỉ nền nhạc lễ cung đình nói chung, trong lịch sử phát triển của mình, Nhã nhạc còn mang một số nghĩa hẹp, khi thì chỉ một tổ chức âm nhạc chuyên về giọng hát trong cung đình thời Lê vào thế kỷ XV (bộ Nhã nhạc), khi thì chỉ một hệ thống dàn nhạc sử dụng trong cung đình triều Nguyễn vào thế kỷ XIX. Tuy vậy,

* TT BẢO TỒN DI TÍCH CỔ ĐỒ HUẾ

những nghĩa hẹp này chỉ tồn tại trong một thời gian ngắn rồi biến đổi hoặc mất hẳn. Do trong lịch sử, Nhã nhạc mang nhiều ý nghĩa khác nhau như thế, nên ở Việt Nam hiện nay còn có nhiều kiến giải khác nhau về thuật ngữ này. Nhưng đa số các nhà âm nhạc học trong và ngoài nước vẫn đi đến thống nhất rằng, Nhã nhạc là hệ thống nhạc lễ trong cung đình Việt Nam.

Nhạc cung đình Việt Nam có nguồn gốc từ truyền thống lịch sử văn hoá của dân tộc, chịu ảnh hưởng đáng kể từ Nhã nhạc Trung Hoa và có mối quan hệ khá gần gũi với Nhã nhạc Nhật Bản, Hàn Quốc. Khi đã phát triển mạnh mẽ vào đầu thế kỷ XIX, nhạc cung đình đã lan toả rộng rãi và gây nhiều ảnh hưởng đến các loại hình âm nhạc khác, đặc biệt, nó còn là nguồn gốc khai sinh ra một số loại hình âm nhạc mới ở miền Nam Việt Nam.

Ngày nay, do chế độ quân chủ không còn tồn tại ở Việt Nam nên Nhã nhạc mất đi môi trường diễn xướng của mình và đang trên bờ vực thất truyền, mặc dù một bộ phận của nó vẫn còn được sử dụng trong nghi lễ dân gian tại các đình, chùa, miếu ở những làng gần Huế và một số địa phương khác trong cả nước. Ở Huế hiện nay, khi không còn chế độ quân chủ, hai bộ phận Nhã nhạc và nhạc lễ dân gian đã giao hoà và gắn bó với nhau rất chặt chẽ. Chính nhờ thế mà một phần của Nhã nhạc còn được nuôi dưỡng và lưu truyền cho đến ngày nay.

Âm nhạc cung đình Việt Nam có nguồn gốc lâu đời. Sau thời kỳ Bắc thuộc kéo dài hơn 1000 năm, vào đầu thế kỷ X, Việt Nam bước vào kỷ nguyên độc lập với sự thiết lập nhà nước quân chủ, sự hình thành giai cấp quý tộc, từ đó dẫn đến sự hình thành và phát triển một hình thức sinh hoạt âm nhạc riêng, phục vụ cho lễ nghi của triều đình và nhu cầu sinh hoạt của tầng lớp quý tộc. Từ thời nhà Lý (1010-1225), triều đình đã cho thành lập một tổ chức ca múa nhạc cung đình với quy mô lên đến 100 người (1). Ngay từ thời kỳ này, âm nhạc cung đình Việt Nam đã chịu một số ảnh hưởng nhất định của âm nhạc hai nước láng giềng là Trung Hoa và Chiêm Thành.

Sau 10 thế kỷ chịu sự đô hộ của Trung Hoa, Việt Nam không khỏi chịu ảnh hưởng của nền âm nhạc nước này. Tư liệu khảo cổ với những hiện vật có từ thế kỷ XI cho thấy, ở Việt Nam, thời bấy giờ đã có nhiều nhạc cụ mang nguồn gốc Trung Hoa, như đàn cầm, đàn tỳ bà, đàn

nguyệt...(2)

Sử cũ còn cho biết, vào năm 1044, vua Lý Thái Tông (1028-1054) đã đem quân đánh chiếm kinh đô của Chiêm Thành là Vijaya, bắt các vương phi và các cung nữ giỏi hát múa khúc điệu Tây Thiên (mang màu sắc nghệ thuật của Ấn Độ), đem về thành Thăng Long, rồi xây dựng cung điện riêng cho các cung nữ ấy ăn ở (3). Sự ảnh hưởng của âm nhạc Chiêm Thành ngày càng rõ rệt trong các đời vua tiếp theo. Chẳng hạn, vào năm 1202, vua Lý Cao Tông (1176-1210) đã "sai nhạc công chế khúc nhạc gọi là nhạc Chiêm Thành" [Chiêm Thành âm], tiếng trong trẻo, ai oán buồn rầu, người nghe phải chảy nước mắt (4).

Đến thời nhà Trần (1225-1400), sinh hoạt ca múa nhạc cung đình đã trở nên khá phong phú về loại hình và bài bản. Bên cạnh loại nhạc giải trí, còn có hai bộ phận nhạc lễ chính thống là Đại nhạc và Tiểu nhạc. Bấy giờ, triều đình quy định rõ ràng Đại nhạc chỉ dành riêng cho vua, còn hoàng tộc và các quan khi nào có tế lễ lớn mới được dùng; Tiểu nhạc thì mọi gia đình đều dùng được.

Các dàn Đại nhạc và Tiểu nhạc thời kỳ này có biên chế về nhạc khí như sau:

Dàn đại nhạc gồm các loại nhạc khí:

- Trống cơm (phạn sĩ cổ)
- Ống kèn (tất lật)
- Tháp nứa (tiểu quản)
- Xập xoã (tiểu bạt)
- Trống lớn (đại cổ)

Dàn Tiểu nhạc gồm các loại nhạc khí:

- Đàn cầm (cầm)
- Đàn tranh (tranh)
- Đàn tỳ bà (tỳ bà)
- Đàn thất huyền (thất huyền)
- Đàn song huyền (song huyền)
- Sanh (sanh)
- Ống sáo thổi ngang (địch)
- Ống sáo thổi dọc (tiêu)
- Ống sáo nhỏ (quản)

Về các nhạc khúc, thời ấy đã có rất nhiều bản, chẳng hạn như Nam Thiên Nhạc, Ngọc Lâu Xuân, Đạp Thanh Du, Mộng Du Tiên, Canh Lâu Trường. Người ta dùng thơ phú chữ Nôm phổ vào các nhạc khúc ấy để dễ nhớ khi hát. Các khúc ca đều gọi được những tâm tình vui tươi hoặc ai oán(5).

Bước sang thế kỷ XV, âm nhạc cung đình Việt Nam có những bước chuyển biến đáng kể.

Thời đại nhà Hồ (1400 - 1407) dù tồn tại trong một thời gian rất ngắn, nhưng cũng đã tiến hành nhiều cuộc cải cách về văn hoá, kinh tế, xã hội. Đối với âm nhạc cung đình, nhà Hồ đã chính thức cho du nhập Nhã nhạc cùng với một số nguyên tắc của nó từ Trung Hoa, Đại Việt sử ký toàn thư ghi rằng, vào năm 1402, triều đình nhà Hồ đã "đặt Nhã nhạc, lấy con các quan văn làm kinh vĩ lang, con các quan võ làm chính đồn lang, tập múa các điệu vũ văn, võ"(6).

Các điệu múa văn và múa võ bấy giờ là một trong những nội dung của Nhã nhạc.

Tuy vậy, Nhã nhạc với tư cách là một điển chế thì phải đợi đến thời nhà Lê (1427-1788) mới hoàn thiện. Nhã nhạc bấy giờ được phát triển như là loại nhạc chính thống, một thứ tài sản riêng của triều đình, đối lập với nó là Tục nhạc, tức là dòng âm nhạc dân gian. Bên cạnh nghĩa rộng đó, Nhã nhạc còn là tên gọi của một tổ chức âm nhạc cung đình chuyên về ca hát, được mệnh danh là bộ Nhã nhạc. Nó hoạt động song song với bộ Đồng văn chuyên về khí nhạc. Cả hai tổ chức này đều được đặt dưới quyền trông coi của các quan ở Thái Thường tự(7).

Như vậy, vào thời kỳ này, âm nhạc cung đình Việt Nam đã trở thành một loại âm nhạc độc lập với một diện mạo và phong cách riêng.

Xét về quy mô tổ chức, Nhã nhạc dưới thời nhà Lê đã trở nên hoàn thiện và chặt chẽ. Các tổ chức âm nhạc được thành lập, đặt dưới sự cai quản của các nhạc quan. Bấy giờ, Nhã nhạc bao gồm các loại như sau: Giao nhạc, Miếu nhạc, Ngũ tự nhạc, Cửu nhật nguyệt giao trùng nhạc, Đại triều nhạc, Thường triều nhạc, Đại yến nhạc, Cung trung nhạc. Phỏng theo nguyên tắc Nhã nhạc nhà Minh (Trung Hoa), triều đình nhà Lê cho thành lập 2 tổ chức dàn nhạc là Đường thượng chi nhạc và Đường hạ chi nhạc, với biên chế như sau:

- Đường thượng chi nhạc:

- 1- Trống treo lớn (huyền đại cổ)
- 2- Biên khánh (biên khánh)
- 3- Biên chung (biên chung)
- 4- Đàn cầm (cầm)
- 5- Đàn sắt (sắt)
- 6- Sinh (sinh)
- 7- Tiêu (tiêu)
- 8- Quản (quản)
- 9- Thước (thước)
- 10- Chúc (chúc)

11- Ngũ (ngũ)

12- Huân (huân)

13- Trì (trì)

- Đường hạ chi nhạc:

1- Phương hưởng treo (huyền phương hưởng)

2- Không hầu (không hầu)

3- Tỳ bà (tỳ bà)

4- Quản cổ (quản cổ)

5- Quản địch (quản địch) (8).

Về các điệu múa diễn theo nhạc lễ dưới thời Lê, có hai vũ khúc mang tính lịch sử của triều đại ấy. Sử ghi rằng, vào năm 1456, dưới thời vua Lê Nhân Tông (1443-1459), khi nhà vua đến bái yết lăng tẩm của tổ tiên mình ở Lam Kinh (tỉnh Thanh Hoá), nhà vua đã cho tấu Đại nhạc để múa võ với điệu múa Bình Ngô phá trận và múa văn với điệu múa Chư hầu lai triều(9).

Tuy nhiên, những quy định chặt chẽ của triều đình đã bị thay đổi chỉ sau hơn một thế kỷ tồn tại. Sang thế kỷ XVI, XVII, và nhất là vào giai đoạn cuối của triều Lê, Nhã nhạc dần dần đi vào suy thoái. Biên chế các dàn nhạc bị thu hẹp, Nhã nhạc và Tục nhạc không còn phân biệt rõ rệt như trước nữa, thậm chí một số dàn nhạc dân gian còn được đưa vào chơi trong cung đình. Tổ chức, quy chế Nhã nhạc trở nên loạn xạ, chẳng còn quy củ gì nữa(10).

Tình hình trên được cải thiện khi một triều đại mới - triều đại nhà Nguyễn (1802-1945) - lên kế vị. Vào nửa đầu thế kỷ XIX, tình hình kinh tế, chính trị, xã hội ổn định, đã tạo điều kiện cho văn hoá nghệ thuật phát triển, đặc biệt dưới thời Minh Mạng (1820-1840), Thiệu trị (1841-1847), và Tự Đức (1848-1883). Nhã nhạc được các vua và đình thần coi trọng. Nhã nhạc triều Nguyễn bao gồm các thể loại gần giống như Nhã nhạc triều Lê.

Nhã nhạc triều Nguyễn đã sử dụng hàng trăm nhạc chương có lời ca bằng chữ Hán. Phần lớn các nhạc chương đều do các quan trong Lễ Bộ hoặc Hàn Lâm Viện biên soạn, mang nội dung phù hợp với từng cuộc lễ của triều đình(11). Chẳng hạn, trong lễ Tế Giao, có 10 nhạc chương mang chữ thành (nghĩa là: nên việc, thành công, thành tựu):

- An Thành chi chương (khúc hát cầu mong mọi sự được yên ổn và thành công): diễn tấu trong lễ rước thần về.

- Triệu Thành chi chương (khúc hát cầu mong sự khởi đầu tốt đẹp): diễn tấu trong lễ

dâng ngọc lụa.

- Đấng Thành chi chương (khúc hát cầu mong sự dâng hiến thành công) lễ dâng vật tế (mâm thịt tế).

- Mỹ Thành chi chương (khúc hát cầu mong điểm lành): á hiến lễ (tuần rượu thứ hai).

- Vĩnh Thành chi chương (khúc hát cầu mong sự thành công lâu dài): Chung hiến lễ (tuần rượu thứ ba).

- Doãn Thành chi chương (khúc hát cầu mong sự bằng lòng của thần): tấu khi hạ cổ.

- Hy Thành chi chương (khúc hát cầu mong có được điều tốt lành): tấu khi tiễn thần đi.

- Hựu Thành chi chương (khúc hát cầu mong thần phù hộ, giúp đỡ): tấu khi đốt đồ cúng.

- Khánh Thành chi chương (khúc hát bày tỏ niềm vui mừng sau sự thành công của cuộc tế lễ): tấu khi vua về cung(12).

Các nhạc chương được hát lên với sự phụ hoạ của các dàn nhạc, cùng sự tham gia của múa Bát dật (gồm 64 văn vũ sinh và 64 võ vũ sinh), tạo nên một khung cảnh hoành tráng, trang trọng.

Tương tự, trong tế lễ Xã Tắc có 7 nhạc chương mang chữ PHONG (nghĩa là được mùa), lễ Tế Miếu có 9 nhạc chương mang chữ hoà (nghĩa là sự hài hoà), tế Lịch đại Đế vương có 6 nhạc chương mang chữ huy (nghĩa là sự tốt lành), tế Văn Miếu có 6 nhạc chương mang chữ văn (nghĩa là văn học), lễ Đại triều dùng 5 bài mang chữ bình (nghĩa là sự hoà bình), lễ Vạn thọ dùng 7 bài mang chữ thọ (nghĩa là sống lâu), lễ Đại yến dùng 5 bài mang chữ Phúc (nghĩa là may mắn)...

Bên cạnh số lượng phong phú các nhạc chương, Nhã nhạc triều Nguyễn còn bao gồm một số dàn nhạc và tốp nhạc được sáng tạo thêm, như Huyền nhạc. Ty trúc Tế nhạc, Ty chung, Ty khánh, Ty cổ. Biên chế các dàn nhạc cũng được mở rộng hơn trước, một số có quy mô rất lớn. Cụ thể các dàn nhạc thời kỳ này có biên chế như sau:

Huyền nhạc gồm 26 nhạc cụ:

- 1 kiến cổ (kiến cổ)
- 1 bác chung (bác chung)
- 1 đặc khánh (đặc khánh)
- 1 bộ biên chung (biên chung)
- 1 bộ biên khánh (biên khánh)
- 1 bác phụ (bác phụ)
- 1 chúc (chúc)
- 1 trống (cổ)

- 2 đàn cầm (cầm)
- 2 đàn sắt (sắt)
- 2 bài tiêu (bài tiêu)
- 2 tiêu (tiêu)
- 2 địch (địch)
- 2 sinh (sinh)
- 2 huân (huân)
- 2 trì (trì)
- 2 phách bản (phách bản).

Đại nhạc gồm 42 nhạc cụ:

- 20 trống (cổ)
- 8 minh ca (minh ca)
- 4 tù và bằng sừng trâu (câu giốc)
- 4 sa la (sa la)
- 4 đại sa (đại sa)
- 2 tù và bằng ốc biển (hải loa)

Tiểu nhạc gồm 8 nhạc cụ:

- 1 trống bản (bản cổ)
- 1 đàn tỳ bà (tỳ bà)
- 1 đàn nguyệt (nguyệt cầm)
- 1 đàn nhị (nhị huyền)
- 2 địch (địch)
- 1 tam âm (tam âm)
- 1 phách tiền (phách tiền)

Ty trúc tế nhạc gồm 8 ca sinh và 8 nhạc công (không rõ sử dụng nhạc cụ gì)

Ty chung - ty khánh, gồm 6 nhạc công, chơi các loại nhạc cụ:

- Bác chung
- Đặc khánh
- Biên chung
- Biên khánh

Ty cổ gồm 7 nhạc công, chuyên đánh trống trong lễ tế ở đàn Nam Giao(13).

Tuy nhiên, kể từ khi triều đình Nguyễn lâm vào tình trạng suy thoái, âm nhạc cung đình cùng các lễ nghi và sinh hoạt văn hoá truyền thống khác của triều đình cũng dần dần phối pha. Nhiều bài bản bị rơi vào quên lãng, biên chế các dàn nhạc bị thu hẹp, biến dạng, nhiều dàn nhạc và nhạc cụ bị biến mất hoàn toàn khỏi dàn nhạc cung đình. Một bộ phận âm nhạc cung đình lan toả ra dân gian. Cuối thời Nguyễn, triều đình chỉ còn duy trì 2 loại dàn nhạc là Đại nhạc và Tiểu nhạc với số lượng nhạc khí bị giảm thiểu.

Bên cạnh đó, với sự ảnh hưởng ngày càng mạnh mẽ của văn hoá phương Tây, đặc biệt là văn hoá Pháp; triều đình cho du nhập dàn Quân nhạc của phương Tây. Đến khi chế độ quân chủ Việt Nam chấm dứt vào năm 1945,



Dàn tiểu nhạc của TT Bảo tồn di tích cố đô Huế - Ảnh: T.T.X

âm nhạc cung đình Huế mất vị trí chức năng xã hội và môi trường diễn xướng nguyên thủy, đi vào suy thoái và có nguy cơ thất truyền. Mặc dù có một số tổ chức và cá nhân quan tâm bảo tồn nhưng vẫn không đủ điều kiện để cho Nhã nhạc tồn tại mạnh mẽ như trước.

H.T.T

Chú thích:

(1) Trần Trọng Kim, Việt Nam sử lược, NXB. Tân Việt, Sài Gòn, in lần thứ 7, trang 101-102.

(2) Trần Văn Khê, Court Music - the Case of Vietnam, Speech in 4th Conference of Asia - Pacific Society of Dthnomusicologists, Taiwan, March 1998.

(3) Đại Việt sử ký toàn thư, bản dịch tiếng Việt của Ngô đức Thọ, NXB. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1993, tập I, trang 266-268.

(4) Đại Việt sử ký toàn thư, sách đã dẫn, trang 331. Tham khảo thêm: Quốc Sử Quán triều Nguyễn, Khâm định Việt sử Thông giám Cương mục, bản dịch tiếng Việt của Viện Sử học Việt Nam, NXB. Giáo dục, Hà Nội, 1998, tập I, trang 427.

(5) Lê Trắc, An Nam chí lược, bản dịch tiếng Việt của Ủy ban Phiên dịch Sử liệu Việt Nam (thuộc Viện Đại học Huế), Huế, 1961, trang 47-48.

(6) Đại Việt sử ký toàn thư, sách đã dẫn, tập II,

trang 203 (Nguyên văn chữ Hán như sau "Tao nhà nhạc, dĩ văn quan tử vi kinh vĩ lang, võ quan tử vi chính đồn lang, tập văn võ vũ" - Quyển VIII, tờ 41 ab).

(7) Phạm Đình Hổ, Vũ trung tùy bút, bản dịch tiếng Việt của Đông Châu Nguyễn Hữu Tiến, NXB. Trẻ, thành phố Hồ Chí Minh, 1989, trang 42.

(8) Đại Việt sử ký toàn thư, sách đã dẫn, tr. 343-344. Xem nguyên văn chữ Hán, quyển XI, tờ 46 ab

(9) Đại Việt sử ký toàn thư, sách đã dẫn, tập II, trang 381 (Nguyên văn chữ Hán "Võ tấu Bình Ngô phá trận chi vũ, văn tấu Chư hầu lai triều chi vũ" - Quyển XI, tờ 91b). Tham khảo thêm: Quốc Sử Quán triều Nguyễn, Khâm định Việt sử Thông giám Cương mục, bản dịch, đã dẫn.

(10) Phạm Đình Hổ, sách đã dẫn, trang 42-48.

(11) Quốc Sử Quán triều Nguyễn, Đại Nam thực lục, bản dịch tiếng Việt của Viện Sử học Việt Nam, NXB. KHXH, Hà Nội, tập III, trang 220, tập XXXIV, trang 141.

(12) Nội các triều Nguyễn, Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ, quyển 99, bản dịch tiếng Việt của Viện Sử học Việt Nam, NXB. Thuận Hoá, Huế, 1993, tập 7, trang 73-76.

(13) Trần Văn Khê, La Musique Vietnamienne Traditionelle, Presses Universitaires de France, Paris, 1962, trang 54-55.